



Số: 03375/2025/PKQ (KT/2506.226-227)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: tổ Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Địa điểm quan trắc: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Tên mẫu	KT/2506.226 - KT2: Ống khói lò đốt số 2 công suất 1.000Kg/h KT/2506.227 - KT1: Ống khói thải lò đốt số 1 công suất 1.000Kg/h
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	13/06/2025
Thời gian thử nghiệm	13/06/2025 – 30/06/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT/2506.226	KT/2506.227	Cột B
1	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,017	0,021	0,16
2	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29	0,35	0,42	1,2
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,005	<0,005	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,019	0,032	1,2
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	KPH	50
6	Tổng hydrocacbon (HC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	6,6	5,6	50

Ghi chú:

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- Cột B áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195; KPH: Không phát hiện
- Tổng hydrocacbon bao gồm các chất: n-pentane, n-hexane, n-heptane, n-octane, n-nonane, n-decane;
- Chỉ tiêu số 2 (Tl), số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện phân tích;

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Lại Thị Thanh Nhân

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

510.01.10 Lấn ban hành: 01 Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 03363/2025/PKQ (KT/2506.155-155)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: tổ Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Địa điểm quan trắc: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Tên mẫu	KT/2506.155 - KT3: Ống khói thải lò đốt số 3 công suất 2.000Kg/h
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	10/06/2025
Thời gian thử nghiệm	10/06/2025 – 30/06/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 30:2012/ BTNMT
				KT/2506.155	Cột B
1	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,020	0,16
2	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29	0,35	1,2
3	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	0,007 (LOQ= 0,015)	0,2
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	00,019	1,2
5	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	50
6	Tổng hydrocacbon (HC) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	6,1	50

Ghi chú:

- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp;
- Cột B áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- KPH: Không phát hiện LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Tổng hydrocacbon bao gồm các chất: n-pentane, n-hexane, n-heptane, n-octane, n-nonane, n-decane;
- Chỉ tiêu số 2 (Tl), số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện phân tích;

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Lại Thị Thanh Nhân

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

510.01.10 Lần ban hành: 01 Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Số: 03364/2025/PKQ (KT/2506.156-157)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: tổ Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Địa điểm quan trắc: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Tên mẫu	KT/2506.156 - KT4: Ống khói nhiệt phân cao su số 1 KT/2506.157 - KT5: Ống khói nhiệt phân cao su số 2
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	10/06/2025
Thời gian thử nghiệm	10/06/2025 – 30/06/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm		QCVN 19: 2009/ BTNMT
				KT/2506 .156	KT/2506 .157	Cột B Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	CEECS/02	61,9	56	-
2	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	8,8	10,8	160
3	Cacbon oxit, CO ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	775,6	692,7	800
4	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	KPH	40
5	Hydro Florua (HF)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH	KPH	16
6	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108: 2010	<2	<2	6
7	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	<3,4	<3,4	400
8	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTHT-40	27	41,6	680

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B : áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Kp=0,8; Kv=1)
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định; KPH: Không phát hiện
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;
- Chỉ tiêu số 4, 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - VIMCERTS 121 thực hiện phân tích.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Lại Thị Thanh Nhân

CÁN BỘ QA/QC

Lê Bảo Quân

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025



ThS. Nguyễn Thị Hạnh

510.01.10 Lần ban hành: 01 Trang 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm

Số: 03365/2025/PKQ (KT/2506.158-158)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh
Địa chỉ: tổ Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Địa điểm quan trắc: Thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Tên mẫu	KT/2506.158 - KT6: Khí thải hệ thống bóng đèn huỳnh quang
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	10/06/2025
Thời gian thử nghiệm	10/06/2025 – 30/06/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT/2506.158	Cột B Cmax
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	8,4	160

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B : áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;
 $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Kp=0,8; Kv=1)
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Lại Thị Thanh Nhân

CÁN BỘ QA/QC



Lê Bảo Quân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Đ. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI
ThS. Nguyễn Thị Hạnh

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm